

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

....., ngày tháng năm
....., [date, month, year]

HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN
FREELANCE CONTRACT

Số/No:

DỰ ÁN/PROJECT:

GÓI THẦU/ BIDDING PACKAGE:

.....

GIỮA 02 BÊN GỒM:
BETWEEN TWO PARTIES INCLUDE:

.....

VÀ/AND

.....

HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN này (“**Hợp đồng**”) được lập và ký kết giữa **CÁC BÊN KÝ TÊN DƯỚI ĐÂY** theo pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các nguyên tắc, quy định pháp luật khác có liên quan:

THIS FREELANCE CONTRACT ("Contract") is made and entered into by and between THE UNDERSIGNED PARTIES in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam and other relevant legal principles and regulations:

1. CHỦ ĐẦU TƯ/INVESTOR:

.....

- Giấy đăng ký doanh nghiệp/ <i>Enterprise registration certificate</i>	:
- MST/ <i>Tax code</i>	:
- Địa chỉ trụ sở chính/ <i>Headquarters address</i>	:
- Điện thoại/ <i>Tel</i>	: Fax:
- Đại diện bởi/ <i>Represented by</i>	:
- Chức vụ/ <i>Position</i>	:

(Sau đây được gọi là “**Bên A**”)

(Hereinafter referred to as “**Party A**”)

2. NHÀ CUNG CẤP/SUPPLIER:

- Giấy đăng ký doanh nghiệp/ <i>Enterprise registration certificate</i>	:
- MST/ <i>Tax code</i>	:
- Địa chỉ trụ sở chính/ <i>Headquarters address</i>	:
- Điện thoại/ <i>Tel</i>	: Fax:
- Đại diện bởi/ <i>Represented by</i>	:
- Chức vụ/ <i>Position</i>	:

(Sau đây được gọi là “**Bên B**”)

(Hereinafter referred to as “**Party B**”)

XÉT RẰNG/WHEREAS:

1. Bên A là một Công ty được thành lập hợp pháp theo Luật pháp nước CHXHCN Việt Nam hiện đã được cấp phép thực hiện Dự án tại

Party A is a legally established company under the laws of the Socialist Republic of Vietnam, currently licensed to implement the Project at

2. Bên B là một Công ty được thành lập hợp pháp theo Luật pháp nước CHXHCN Việt Nam; có đầy đủ năng lực thực hiện Gói thầu cho Dự án của Bên A.

Party B is a legally established company under the laws of the Socialist Republic of Vietnam; fully capable of executing the Bidding Package for Party A's Project

VÀ/AND

Bên A chấp nhận và Bên B đồng ý cung cấp Gói thầu của Bên A với Hồ sơ mời thầu Hợp đồng trị giá trị giá **VND** (Bằng chữ:*Đồng Việt Nam*) chưa bao gồm thuế GTGT để thực hiện và hoàn thành Công trình cũng như khắc phục các sự cố trong quá trình lắp đặt; với thông số kỹ thuật, chi tiết sản phẩm, tên hàng hóa, số lượng, đơn giá và thành tiền theo tham chiếu phụ lục chi tiết đính kèm Hợp đồng ngày.....

Party A accepts and Party B agrees to provide the Bidding Package for Party A's Project with a Contract value of VND (In words: Vietnamese Dong), excluding VAT, to execute and complete the Work as well as remedy any issues during the installation process; with specifications, product details, item names, quantities, unit prices, and total amount as referenced in the detailed appendix attached to the Contract dated.....

Hai Bên thiết lập Hợp đồng này nhằm thiết lập các điều khoản và điều kiện điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của các Bên theo nội dung thỏa thuận thống nhất nêu trên.

Both Parties enter into this Contract to establish the terms and conditions governing the rights and obligations of the Parties according to the mutually agreed-upon content stated above.

VÌ VẬY, NAY CÁC BÊN THỎA THUẬN NHƯ SAU:

THEREFORE, THE PARTIES HEREBY AGREE AS FOLLOWS:

ĐIỀU KHOẢN ĐỊNH NGHĨA/ DEFINITIONS

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

Unless the context otherwise requires, the terms used in this Contract shall have the following meanings:

1.1.	"Hàng hoá cung cấp, lắp đặt" nghĩa là , chi tiết thể hiện theo Phụ lục về Danh mục hàng hóa đính kèm Hợp đồng. "Supplied and Installed Goods" means , with details specified in the Appendix of the List of Goods attached to this Contract.
	"Các Dịch vụ liên quan" nghĩa là các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động cung cấp, lắp đặt và bảo hành Hàng hóa gồm vận chuyển và bảo hiểm; vận hành, hỗ trợ kỹ thuật sau khi lắp đặt và các nghĩa vụ khác của Bên B được bảo hiểm theo Hợp đồng.

	"Related Services" means the services that support the supply, installation, and warranty of the Goods, including transportation and insurance; operation, technical support after installation, and other obligations of Party B covered under the Contract.
	"Địa điểm thực hiện" nghĩa là địa điểm Bên B thực hiện công việc theo Hợp đồng "Performance Location" means the location where Party B performs the work under the Contract
	"Hợp đồng" nghĩa là các thỏa thuận được nêu trong Hợp đồng được ký bởi đại diện hợp pháp của Bên A và Bên B bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các hồ sơ đính kèm và các phụ lục kèm theo, tất cả các văn bản được kết hợp bằng cách tham chiếu, Chỉ dẫn đối với nhà thầu, Mẫu đơn dự thầu, Chỉ dẫn kỹ thuật và Biểu tiên lượng....; trừ trường hợp các bản đính kèm, phụ lục hoặc hồ sơ đó không phù hợp với các Điều kiện Hợp đồng này. Trong trường hợp này các Điều kiện Hợp đồng này sẽ được Hai Bên thống nhất áp dụng. "The Contract" means the agreements set forth in the Contract signed by the authorized representatives of Party A and Party B, including but not limited to all attached documents and appendices, all documents incorporated by reference, Tender Documents, Technical Specifications, and Bill of Quantities...; unless those attachments, appendices, or documents are inconsistent with the terms of this Contract. In such cases, the terms of this Contract shall prevail as agreed upon by both Parties.
1.2.	"Các hồ sơ liên quan Hợp đồng" được hiểu bao gồm và không giới hạn tất cả các phụ lục đính kèm, biểu mẫu được đọc và được hiểu là một phần của Hợp đồng này. Nếu có bất cứ sự mơ hồ, không rõ ràng và/hoặc không thống nhất giữa các hồ sơ và với Hợp đồng; thì thứ tự ưu tiên áp dụng theo trình tự sau: "The documents related to the Contract" shall be understood to include, without limitation, all attached appendices and forms that are considered part of this Contract. In case of any ambiguity, lack of clarity, and/or inconsistency among these documents and with the Contract, the order of precedence shall be as follows: 1) Thỏa thuận Hợp đồng/The Contract Agreement; 2) Thư chấp nhận ngày..../Acceptance Letter dated ...; 3) Mức giá cuối cùng từ Bên B gửi cho HASD (Bên A) vào ngày 04/07/2017/Final Price Quote from Party B sent to HASD (Party A) on 04/07/2017; 4) 5) Phụ lục Hợp đồng/Contract Appendix.
1.2.	"Giá trị Hợp đồng" nghĩa là giá mà Bên A phải thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng để Bên B thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều 1 Hợp đồng. "The Contract Value" means the amount that Party A is obligated to pay to Party B under the Contract for Party B to perform its rights and obligations under Article 1 of the Contract.

	“Đồng” hoặc “VND” nghĩa là đồng tiền hợp pháp của nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. <i>"Dong" or "VND" means the legal currency of the Socialist Republic of Vietnam.</i>
	“Pháp luật Việt Nam” nghĩa là tất cả các luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quy chế, quyết định, thông tư, hướng dẫn, quy tắc, lệnh hoặc các văn bản pháp lý khác của các cơ quan nhà nước CHXHCN Việt Nam đã được ban hành, phổ biến công khai và có hiệu lực pháp lý cũng như các sửa đổi hoặc thay thế chúng vào từng thời điểm. <i>"Vietnam law" means all laws, legal codes, ordinances, decrees, circulars, regulations, decisions, directives, guidelines, rules, orders, or other legal documents issued by the authorities of the Socialist Republic of Vietnam that have been promulgated publicly and have legal effect, as well as their amendments or replacements from time to time.</i>

ĐIỀU 1. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 1. CONTRACT VALUE AND PAYMENT METHODS

1.1 Giá trị Hợp đồng/Contract value

Tổng giá trị hợp đồng là VND (Bằng chữ: Mười tám tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm Đồng Việt Nam). Giá trị hợp đồng này không bao gồm thuế Giá trị gia tăng (VAT). Đơn giá hợp đồng là cố định trong suốt thời gian Hai Bên thực hiện hợp đồng.

The total contract value is VND (In words: Eighteen billion, two hundred thirty-six million, eight hundred seventy-four thousand five hundred Vietnamese Dong). This contract value does not include Value Added Tax (VAT). The contract unit price is fixed throughout the duration of the contract.

Giá trị hợp đồng này đã bao gồm cung cấp, vận chuyển và lắp đặt hàng hóa và giao hàng đến chân công trình Dự án của Bên A và cung cấp các Dịch vụ liên quan; Các khoản thuế, phí theo quy định pháp luật (trừ thuế Giá trị gia tăng (VAT)) liên quan theo yêu cầu trong Chỉ dẫn kỹ thuật được thống nhất theo Phụ lục kèm theo hợp đồng.

The contract value includes supply, transportation, and installation of goods delivered to the site of Project A for Party A, along with related services. Taxes and fees as required by law (excluding Value Added Tax (VAT)) are included according to the technical specifications agreed upon in the appendix attached to the contract.

Đối với những hàng hóa, vật tư, thiết bị chưa có trong Phụ lục về Danh mục hàng hóa thì khi Bên A có yêu cầu phát sinh đơn hàng thì sau khi Bên A gửi yêu cầu, Bên B sẽ lập báo giá gửi cho Bên A. Bên A chấp thuận báo giá thì Hai Bên sẽ thống nhất ký xác nhận và lập Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

For goods, materials, and equipment not listed in the Appendix on the Goods Inventory, when Party A requests an additional order, Party B will prepare a quotation and send it to Party A upon request. Upon Party A's approval of the quotation, both parties will agree to sign a confirmation and create a supplementary appendix to the Contract.

1.2. Điều kiện thanh toán/Payment condition

Số lượng hàng hóa theo Biên bản giao nhận thực tế được Hai Bên xác nhận sẽ là cơ sở cho việc thanh toán.

The quantity of goods as confirmed in the actual delivery receipt shall serve as the basis for payment.

Mọi thanh toán sẽ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam theo thông tin tài khoản Ngân hàng do Bên B cung cấp dưới đây:

All payments will be made via bank transfer in Vietnamese Dong to the bank account information provided by Party B as follows:

- Chủ tài khoản/Account holder	:
- Số tài khoản/Bank account number	:
- Ngân hàng/Bank	:

1.3. Phương thức thanh toán/Payment methods

Việc thanh toán giá trị Hợp đồng được Hai Bên thống nhất chia làm 04 giai đoạn như sau:

The payment of the contract value is agreed by both parties to be divided into 04 stages as follows:

Giai đoạn 01 (tạm ứng): Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng tạm tính tương đương với số tiền đồng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Giấy đề nghị tạm ứng, Bản gốc Thư bảo lãnh hoàn tạm ứng có giá trị 30% giá trị Hợp đồng. Thư bảo lãnh hoàn tạm ứng có hiệu lực trong thời hạn ngày kể từ ngày tiền tạm ứng của Bên A chuyển vào tài khoản Ngân hàng của Bên B. Trường hợp còn 01 ngày làm việc là hết hạn Thư bảo lãnh mà Bên B chưa giao hàng, Bên A có quyền yêu cầu Ngân hàng nơi phát hành Thư bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền tạm ứng cho Bên A.

Stage 01 (Advance Payment): Party A shall advance 30% of the estimated contract value to Party B, equivalent to Vietnamese Dong, within 03 working days from the date Party A receives the Advance Payment Request and the original Performance Bond with a value of 30% of the contract value. The Performance Bond for the advance payment is valid for days from the date Party A transfers the advance payment into Party B's bank account. If one working day remains before the Performance Bond expires and Party B has not delivered the goods, Party A reserves the right to request the issuing bank of the Performance Bond to fulfill the obligation of paying the advance payment to Party A.

Giai đoạn 02: Ngay sau khi Bên A nhận được thông báo tập kết hàng đến chân công trình Dự án của Bên A, Bên A phải cử cán bộ kỹ thuật đến kiểm tra. Nếu hàng hóa đúng tiêu chuẩn, chất lượng như Hợp đồng đã ký, Bên A sẽ tiến hành thanh toán đến 60% giá trị theo Hợp đồng trong vòng ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra. Ngay sau khi nhận được tiền thanh toán của Bên A thì Bên B tiến hành giao hàng trong vòng 24 giờ.

Stage 02: Upon receipt of notification of goods arrival at the project site of Party A, Party A shall send technical personnel for inspection. If the goods meet the contractual standards and quality as agreed, Party A will proceed with payment of 60% of the contract value within working days from the inspection date. Upon receiving the payment from Party A, Party B shall deliver the goods within 24 hours.

Giai đoạn 03: Bên B thi công lắp đặt theo yêu cầu của Bên A có Biên bản nghiệm thu hoàn thành Bên A sẽ thanh toán 05% giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền..... đồng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành thử nghiệm và chạy thử.

Stage 03: Party B shall carry out installation of as requested by Party A. Upon completion and acceptance according to the completion certificate, Party A will pay 05% of the contract value, equivalent to Vietnamese Dong, within 05 working days from the completion of testing and trial operation.

Giai đoạn 04: Bên A thanh toán 05% giá trị Hợp đồng còn lại trong vòng 10 ngày làm việc sau khi nhận giấy chứng nhận nghiệm thu của chủ đầu tư.

Stage 04: Party A shall pay the remaining 05% of the contract value within 10 working days upon receipt of the acceptance certificate from the investor.

ĐIỀU 2. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO HÀNG

ARTICLE 2. DELIVERY TIME, LOCATION, AND METHODS

Sau khi nhận được Đơn đặt hàng chính thức của Bên A, Bên B chịu trách nhiệm bốc, xếp hàng và giao đến chân công trình Dự án của Bên A trong vòng ngày (..... tuần); kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng của Chủ đầu tư sau khi ký Hợp đồng này.

Upon receiving the official Purchase Order from Party A, Party B is responsible for loading, arranging the goods, and delivering them to the project site of Project A within days (..... weeks) from the date of receiving the Purchase Order from the investor after signing this Contract.

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, thời gian giao hàng được quy định trong Hợp đồng này phải được tuân thủ chặt chẽ.

Unless otherwise agreed in writing, the delivery time specified in this Contract must be strictly adhered to.

Trước khi bàn giao cho Bên A, Bên B có trách nhiệm cung cấp các giấy tờ bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

Before handing over to Party A, Party B is responsible for providing the following documents, including but not limited to:

1. 1 Bản gốc Chứng nhận xuất xứ/One original Certificate of Origin;
2. 1 Bản gốc Chứng nhận chất lượng/One original Certificate of Quality;

3. 1 Bản gốc Chứng nhận Hợp chuẩn và Chứng nhận Quy chuẩn Kỹ thuật đối với hàng hoá phù hợp với mã Việt Nam hiện có liên quan/*One original Certificate of Conformity and Technical Standards Compliance Certificate for goods conforming to relevant Vietnamese codes.*
4. 1 Bản gốc Vận đơn/*One original Bill of Lading.*
5. 1 Bản gốc Phiếu đóng gói/*One original Packing List*
6. 1 Hóa đơn gốc/*One original Invoice.*

Địa điểm giao hàng/Delivery location:

.....

ĐIỀU 3. PHẠT DO CHẬM TRỄ GIAO NHẬN HÀNG, CHẬM THANH TOÁN
ARTICLE 3. PENALTIES FOR LATE DELIVERY, LATE PAYMENT

3.1. Nếu Bên B không giao hàng cho Bên A, không tiến hành lắp đặt hoặc hoàn thành việc lắp đặt đầy đủ hàng hoá tại Khu vực Dự án hoặc không thực hiện Dịch vụ liên quan theo đúng ngày đã thỏa thuận trong Thư chấp nhận mà không do lỗi của Bên A thì sẽ bị phạt 0,2% trên mỗi tuần chậm trễ tổng giá trị đơn hàng bị giao trễ. Tổng số tiền phạt không được vượt quá 5% tổng giá trị đơn hàng bị giao trễ. Bên B phải trả tiền phạt ngay khi nhận được thông báo của Bên A.

3.1. If Party B fails to deliver goods to Party A, fails to proceed with installation or complete installation of goods at the Project Area, or fails to perform related services on the agreed-upon date in the Acceptance Letter without fault from Party A, Party B shall be penalized 0.2% per week of the total value of the delayed order. The total penalty amount shall not exceed 5% of the total value of the delayed order. Party B must pay the penalty immediately upon receiving notification from Party A.

Mức phạt trên sẽ không áp dụng trong trường hợp việc giao hàng hoặc thi công lắp đặt bị chậm trễ do lỗi của Chủ đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác không do lỗi của Nhà cung cấp.

The penalty will not apply in cases where delivery or installation is delayed due to the fault of the investor or other objective reasons beyond the supplier's control.

3.2. Mức phạt trên không được thay đổi bằng Thư chấp nhận.

3.2. The penalty amount cannot be altered by the Acceptance Letter.

3.3. Việc thanh toán tiền phạt không làm ảnh hưởng đến Hợp đồng này. Bên B vẫn phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này trừ khi Bên A thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng. Mức phạt trên cũng được áp dụng nếu Bên B thực hiện chậm trễ việc thay thế hoặc sửa chữa hàng hoá bị lỗi do trách nhiệm buộc phải sửa chữa theo quy định của điều khoản bảo hành. Bên A có quyền khấu trừ bất kỳ số tiền phải trả cho Bên B một khoản tiền tương ứng với khoản phạt chậm trễ tích lũy.

3.3. Payment of the penalty shall not affect this Contract. Party B must still fulfill its obligations under this Contract unless Party A exercises its right to terminate the Contract. The penalty amount shall also apply if Party B delays in replacing or repairing defective goods as required under the warranty provisions. Party A has the right to

deduct any amounts owed to Party B by an amount corresponding to the accumulated late penalty.

3.4. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu bất cứ khi nào Bên B hoặc nhà thầu phụ gặp những khó khăn cản trở việc giao hàng kịp thời hoặc thực hiện các Dịch vụ liên quan, Bên B phải thông báo ngay cho Bên A bằng văn bản về sự chậm trễ, thời gian và nguyên nhân của sự chậm trễ này. Ngay sau khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A sẽ xem xét tình hình và tùy theo quyết định của mình để kéo dài thời gian thực hiện của Bên B, trong trường hợp đó, hai bên sẽ thông qua việc gia hạn bằng cách sửa đổi Hợp đồng nếu sự chậm trễ này vượt quá hai mươi một (21) ngày. Trường hợp này Bên B sẽ không bị phạt hợp đồng vì lý do chậm trễ.

3.4. During the execution of the Contract, if at any time Party B or its subcontractors encounter difficulties hindering timely delivery or performance of related services, Party B must promptly notify Party A in writing of the delay, the duration, and the reasons for the delay. Upon receiving notification from Party B, Party A will assess the situation and may decide to extend Party B's performance time. In such cases exceeding twenty-one (21) days, both parties will agree to extend the Contract through an amendment. Party B shall not be penalized for the delay under these circumstances.

3.5. Phạt do không nhận giao hàng: Trường hợp Bên A không nhận bàn giao trong thời hạn theo yêu cầu của Bên B thì Bên A phải chịu phạt 2% (hai phần trăm) giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm nhận giao hàng nhưng không quá 10 ngày. Nếu quá 10 ngày Bên B có quyền phạt vi phạm Bên A với mức phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị hợp đồng, yêu cầu Bên A thanh toán các chi phí phát sinh, bồi thường thiệt hại cho Bên B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên B yêu cầu.

3.5. Penalty for Non-Acceptance of Delivery: If Party A fails to accept delivery within the specified period as requested by Party B, Party A shall incur a penalty of 2% (two percent) of the contract value for each day of delay, not exceeding 10 days. If the delay exceeds 10 days, Party B has the right to penalize Party A for breach at a rate of 8% (eight percent) of the contract value, and demand that Party A settle any incurred costs and compensate for damages to Party B within 10 days from the date of Party B's request.

3.6. Phạt do thanh toán không đúng đầy đủ, đúng thời hạn: Trong trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu tại Hợp đồng này thì Bên A phải chịu phạt 2% (hai phần trăm) giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm thanh toán nhưng không quá 10 ngày. Nếu quá 10 ngày Bên B có quyền phạt vi phạm Bên A với mức phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị hợp đồng. Đồng thời, Bên B có quyền tiến hành chấm dứt Hợp đồng đối với Bên A mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào; Bên B được quyền thu hồi lại toàn bộ hàng hóa đã bàn giao trước đó, thu hồi các bảo lãnh (nếu có); giữ lại toàn bộ các khoản tiền đã nhận đồng thời yêu cầu Bên A phải bồi thường cho Bên B các khoản thiệt hại phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng này.

3.6. Penalty for Non-Payment in Full and on Time: In the event that Party A breaches its payment obligations under this Contract, Party A shall incur a penalty of 2% (two percent) of the contract value for each day of delayed payment, not exceeding 10 days. If the delay exceeds 10 days, Party B has the right to penalize Party A for breach at a rate of 8% (eight percent) of the contract value. Additionally, Party B has the right to

terminate the Contract with Party A without incurring any penalty or compensation; Party B may reclaim all goods previously delivered, withdraw any performance bonds (if applicable), retain all received payments, and require Party A to compensate Party B for any resulting damages from the termination of this Contract.

ĐIỀU 4. KIỂM TRA HÀNG HÓA KHI GIAO NHẬN

ARTICLE 4. INSPECTION OF GOODS UPON DELIVERY

4.1. Bên B có trách nhiệm kiểm tra Hàng hóa và chịu rủi ro, thiệt hại cùng các chi phí, phí liên quan đến vận chuyển Hàng hóa đến chân công trình Dự án của Bên A. Bên A có quyền tự kiểm tra hoặc sử dụng dịch vụ của một bên thứ ba có đủ điều kiện theo quy định pháp luật sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên B để kiểm tra Hàng hóa tại chân công trình Dự án của Bên A. Trường hợp phát hiện các yêu cầu về thông số kỹ thuật của Hàng hóa không đúng thông số như đã thỏa thuận trong Hợp đồng này và Phụ lục về Danh mục Hàng hóa kèm theo và Hàng hóa không có giấy chứng nhận xuất xứ do nước sản xuất cấp; Bên A có quyền yêu cầu Bên B giải trình gấp về sự không phù hợp này. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên A yêu cầu, Bên B phải có trách nhiệm giải trình. Trường hợp Bên A từ chối nhận hàng, Bên B có trách nhiệm thay thế Hàng hóa phù hợp với thỏa thuận của Hai Bên và chịu mọi chi phí thay thế Hàng hóa trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo yêu cầu thay thế Hàng hóa từ Bên A.

4.1. Party B is responsible for inspecting the Goods and bears the risk, damages, as well as any related costs and fees for transporting the Goods to the project site of Party A. Party A has the right to conduct its own inspection or use the services of a qualified third party as per legal regulations, after notifying Party B in writing, to inspect the Goods at the project site of Party A. If discrepancies are found where the technical specifications of the Goods do not match those agreed upon in this Contract and the attached Schedule of Goods, and if the Goods lack a certificate of origin issued by the manufacturing country, Party A has the right to urgently request Party B to explain the non-compliance. Within 15 working days from the date of Party A's request, Party B must provide an explanation. If Party A refuses to accept the Goods, Party B is responsible for replacing the Goods in accordance with the agreement of both parties and bears all costs of replacing the Goods within 15 days from the date of receiving the notification to replace the Goods from Party A.

4.2. Bên B có trách nhiệm mua các chính sách bảo hiểm có hiệu lực theo yêu cầu của Bên A để chi phí các thiệt hại hoặc tổn thất cho Hàng Hóa trong quá trình vận chuyển đến địa điểm giao hàng; nếu có. Trách nhiệm của Bên B kết thúc khi đã vận chuyển Hàng hóa đến địa điểm giao hàng theo Hợp đồng hoặc một địa điểm nhận hàng khác do Hai Bên thống nhất bằng văn bản. Trong trường hợp có phát sinh khiếu nại, tranh chấp liên quan đến chính sách bảo hiểm, Bên B có trách nhiệm giải quyết theo quy định pháp luật. Mọi chi phí, phí phát sinh khi giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật.

4.2. Party B is responsible for purchasing effective insurance policies as required by Party A to cover any costs of damages or losses to the Goods during transportation to the delivery location. Party B's responsibility ends upon the delivery of the Goods to the delivery location specified in the Contract or another mutually agreed upon location in

writing by both parties. In case of any claims or disputes related to the insurance policies, Party B is responsible for resolving them according to legal regulations. All costs and fees incurred in resolving such claims shall be governed by applicable laws.

4.3. Trường hợp Bên B đã vận chuyển Hàng hóa đến địa điểm giao hàng theo thỏa thuận mà Bên A không bố trí người, phương tiện để nhận Hàng hóa hoặc không tạo điều kiện để Bên B thực hiện dịch vụ lắp đặt Hàng Hóa thì toàn bộ các phí, chi phí bao gồm nhưng không giới hạn chi phí vận chuyển; thuê nhân công; chi phí thuê nhân công bảo quản; chi phí phát sinh do Hàng hóa bị hư hỏng, thiệt hại... Bên A có trách nhiệm chi trả. Nếu quá 24h kể từ thời điểm Bên B vận chuyển đến, Bên B có quyền vận chuyển lô hàng về kho của mình. Khi đó được xem là hành vi vi phạm hợp đồng của Bên A và Bên A chịu mọi chi phí vận chuyển; mọi phí, lệ phí và có trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ giá trị hàng hóa không nhận.

4.3. "In the event that Party B delivers the Goods to the agreed delivery location and Party A fails to arrange personnel or means to receive the Goods, or fails to facilitate the installation services for the Goods, then Party A shall be responsible for all costs and expenses, including but not limited to transportation costs, labor costs, costs for hiring labor for preservation, and costs arising from damage or loss of the Goods. If 24 hours elapse from the time Party B delivers the Goods, Party B has the right to transport the shipment back to its warehouse. In such case, it shall be deemed a breach of contract by Party A, and Party A shall bear all transportation costs, fees, and be liable to reimburse Party B the full value of the Goods not received."

ĐIỀU 5. CHẤT LƯỢNG, QUY CÁCH KỸ THUẬT

"ARTICLE 5. QUALITY, TECHNICAL SPECIFICATIONS"

5.1. Chất lượng, quy cách kỹ thuật Hàng hóa/ Quality, Technical Specifications of Goods

Hàng mới 100% nguyên đai, nguyên kiện; đúng quy trình Quản lý chất lượng. Toàn bộ Hàng hóa do Bên B bán cho Bên A là hàng chưa sử dụng.

The Goods are brand new, 100% original, and complete; they comply with the quality management process. All Goods sold by Party B to Party A are unused.

Bên B đảm bảo tất cả hàng hoá không có khuyết tật, phát sinh từ thiết kế, vật liệu, hoặc tay nghề (trừ khi thiết kế và/hoặc vật liệu được yêu cầu theo đặc điểm kỹ thuật của Bên A) hoặc do bất kỳ hành vi hay thiếu sót nào của Bên B, có thể triển khai theo việc sử dụng bình thường Hàng hoá được cung cấp theo các điều kiện hiện hành tại Việt Nam.

Party B guarantees that all Goods are free from defects arising from design, materials, or workmanship (except where the design and/or materials are specified according to Party A's technical requirements) or from any act or omission of Party B, and are capable of normal use under the current conditions in Vietnam.

Nhà cung cấp đảm bảo rằng hàng hoá phù hợp với mục đích của chúng như đã được mô tả trong Chỉ dẫn kỹ thuật và sẽ chịu trách nhiệm về tất cả các chi phí, tổn thất và thiệt hại phát sinh bởi Chủ đầu tư nếu hàng hoá hư hỏng do chất lượng hàng hóa và do lỗi lắp đặt của Nhà cung cấp cho đến khi hết thời hạn bảo hành. Nếu hàng hóa hư hỏng hoặc

bị thiệt hại không do lỗi của Nhà cung cấp thì Nhà cung cấp không chịu trách nhiệm.

The supplier ensures that the Goods conform to their intended purpose as described in the Technical Specifications and will be responsible for all costs, losses, and damages incurred by the Owner if the Goods are defective due to their quality and installation errors by the Supplier until the warranty period expires. If the Goods are damaged or impaired not due to the Supplier's fault, the Supplier shall not be held liable.

5.2. Tiêu chuẩn kỹ thuật Hàng hóa thống nhất theo Phụ lục về Danh mục Hàng hóa kèm theo/ *Technical Standards of Goods in accordance with the Appendix on Goods Inventory.*

Bên B cung cấp đầy đủ cho Bên A các chứng nhận xuất xưởng đối với tủ điện, chứng nhận chất lượng – CO, CQ đối với thiết bị chính của tủ điện.

Party B provides Party A with complete factory departure certificates for electrical cabinets, quality certificates (CO, CQ) for the main equipment of the electrical cabinets.

Các tài liệu bản vẽ thiết kế cần thiết cho việc lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng sẽ được Bên B cung cấp (kèm theo hàng). Bên B có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn cán bộ kỹ thuật do Bên A giao phụ trách để tự vận hành hệ thống mà Bên B cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này.

Party B shall provide all necessary design drawings for installation, operation, and maintenance (included with the Goods). Party B is responsible for training and instructing the technical personnel designated by Party A to operate independently the systems provided by Party B under this Contract.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 6. RIGHTS AND LIABILITIES OF PARTIES

6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

6.1. Rights and liabilities of Party A:

a. Bên A có quyền kiểm tra chất lượng, số lượng hàng khi nhận và có quyền nhận hàng theo quy định;

a. Party A has the right to inspect the quality and quantity of the Goods upon receipt and has the right to accept the Goods as per regulations;

b. Bên A có nghĩa vụ bố trí người, phương tiện để nhận hàng từ Bên B theo đúng quy định giao nhận tại hợp đồng này;

Party A is obligated to arrange personnel and vehicles to accept the Goods from Party B in accordance with the delivery terms stipulated in this contract;

c. Bên A có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Bên B đúng quy định tại Điều 2 hợp đồng này.

c. Party A is obligated to pay the full amount for the Goods to Party B in accordance with the provisions of Article 2 of this contract.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

6.2. Rights and liabilities of Party B:

a. Cung cấp đầy đủ chứng từ, hoá đơn GTGT theo đúng quy định của nhà nước và thực hiện đầy đủ các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoá đơn chứng từ đó.

a. Provide complete documentation, VAT invoices in accordance with state regulations, and fulfill all commitments stipulated in the contract. Assume responsibility for the legality of those documents.

b. Cung cấp đầy đủ số lượng, chủng loại, quy cách chất lượng hàng hoá và đúng tiến độ giao nhận hàng do bên A yêu cầu.

b. Provide the full quantity, type, specification, and quality of goods, and ensure timely delivery as required by Party A

c. Trong trường hợp Bên B không có hàng để giao (nhà máy không sản xuất...) theo yêu cầu của Bên A thì phải thông báo ngay cho Bên A biết để cùng bàn bạc giải quyết, nếu cố tình kéo dài thời gian giao hàng làm ảnh hưởng tới tiến độ thi công công trình của Bên A thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ các chi phí liên quan tới việc chậm trễ trên; đồng thời phải chịu trách nhiệm chi trả khoản phát sinh chênh lệch do Bên A phải mua của đối tác khác với đơn giá và chi phí cao hơn.

c. In the event that Party B does not have goods to deliver (due to non-production by the factory, etc.) as required by Party A, Party B must immediately notify Party A so that both parties can discuss and resolve the issue. If Party B intentionally delays the delivery, affecting Party A's project schedule, Party B shall be responsible for compensating all costs related to such delays. Additionally, Party B shall bear the responsibility for any price differences arising from Party A having to purchase from other suppliers at higher prices and costs.

ĐIỀU 7. BẢO HÀNH

ARTICLE 7. WARRANTY

7.1. Nhà cung cấp phải đảm bảo hàng hoá là hàng mới, chưa qua sử dụng, các model mới nhất hoặc đang hiện hành, đồng thời có sự cải tiến gần đây trong thiết kế cũng như vật liệu trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng. Nhà cung cấp cũng phải đảm bảo tất cả hàng hoá không có khuyết tật, phát sinh từ thiết kế, vật liệu, hoặc tay nghề (trừ khi thiết kế và/hoặc vật liệu được yêu cầu theo đặc điểm kỹ thuật của Chủ đầu tư) hoặc do bất kỳ hành vi hay thiếu sót nào của Nhà cung cấp, có thể triển khai theo việc sử dụng bình thường Hàng hoá được cung cấp theo các điều kiện hiện hành tại Việt Nam. Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về yêu cầu bồi thường bảo hành, Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo về yêu cầu bồi thường bảo hành của Chủ đầu tư, Nhà cung cấp phải có mặt tại hiện trường để xác định cùng Chủ đầu tư về lỗi do Nhà cung cấp gây ra các sự cố cần phải bảo hành, sau khi hai bên xác định được lỗi do Nhà cung cấp sẽ tiến hành sửa chữa hoặc thay thế hàng hoá bị lỗi hoặc các phụ tùng của chúng, mọi chi phí thay thế hoặc sửa chữa này do Nhà cung cấp chịu trách nhiệm. Đối với các dịch vụ khẩn cấp như, đội ngũ bảo trì của Nhà cung cấp sẽ đến Khu vực Dự án trong vòng hai (2) giờ kể từ khi nhận được cuộc gọi

khẩn cấp từ Chủ đầu tư.

7.1. The Supplier must ensure that the goods are new, unused, and the latest or current models, incorporating recent improvements in design and materials unless otherwise specified in the Contract. The Supplier must also ensure that all goods are free from defects arising from design, materials, or workmanship (unless the design and/or materials are required by the Investor's specifications) or from any act or omission of the Supplier that may arise under normal use of the Goods supplied under the prevailing conditions in Vietnam. Upon receiving notice from the Investor of a warranty claim, the Supplier must be present at the site within 24 hours of receiving such notice to jointly determine with the Investor the faults caused by the Supplier that require warranty actions. Once the fault caused by the Supplier has been identified by both parties, the Supplier shall repair or replace the defective goods or their components, with all replacement or repair costs borne by the Supplier. For emergency services such as, the Supplier's maintenance team shall arrive at the Project Site within two (2) hours of receiving an emergency call from the Investor.

Đối với bất kỳ hư hỏng hoặc lỗi nào khác của hàng hóa xuất phát từ việc vận hành không đúng yêu cầu kỹ thuật hoặc do các nguyên nhân khách quan khác bất kỳ không do lỗi của Nhà cung cấp thì Nhà cung cấp không có trách nhiệm bảo hành.

The Supplier shall not be responsible for the warranty of any damage or defect in the goods resulting from improper operation not in accordance with technical requirements or any other objective causes that are not the fault of the Supplier.

7.2. Điều khoản Bảo hành Hàng hoá theo Điều 7 này sẽ có giá trị trong các khoảng thời gian được quy định tại Thông số kỹ thuật và tối đa là 24 tháng nêu trong đó.

7.2. The warranty provisions for the Goods under this Article 7 shall be valid for the periods specified in the Technical Specifications and up to a maximum of 24 months stated therein.

7.3. Bất kỳ yêu cầu bồi thường liên quan đến khuyết tật của nhà sản xuất phải được giải quyết trước khi kết thúc Thời hạn bảo hành.

7.3. Any claims related to manufacturing defects must be resolved before the end of the Warranty Period.

ĐIỀU 8. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ARTICLE 8. TERMINATION OF CONTRACT

8.1. Bên A không được đơn phương chấm dứt hợp đồng trong toàn bộ thời hạn hợp tác giữa hai bên theo Hợp đồng này trừ trường hợp Bên A gửi thông báo vi phạm lỗi bằng văn bản cho Bên B, mà bên B không khắc phục được các lỗi của Bên B trong các trường hợp sau:

8.1. Party A shall not unilaterally terminate the contract during the entire term of cooperation between the two parties under this Contract, except in the case where Party A sends a written notice of breach to Party B and Party B fails to remedy the breaches in the following cases:

- a. Nếu Bên B không giao bất kỳ hoặc tất cả Hàng hoá, trong 21 ngày sau khi kết thúc thời hạn theo quy định trong Thư chấp nhận hoặc hết hạn gia hạn do Bên A ban hành theo Hợp đồng;

If Party B fails to deliver any or all of the Goods within 21 days after the expiration of the period specified in the Letter of Acceptance or any extension thereof issued by Party A under the Contract;

- b. Nếu Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng;

If Party B fails to perform any other obligations under the Contract;

8.2. Bên B quyền tạm ngưng thực hiện Hợp đồng và được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

8.2. Party B has the right to suspend the performance of the Contract and to unilaterally terminate the Contract prior to its expiration in the following cases:

- a. Trường hợp Bên A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp đồng này và/hoặc địa điểm làm việc không an toàn, bất hợp pháp thì Bên B, sau khi thông báo cho Bên A được quyền tạm ngưng hoặc giảm tỷ lệ thực hiện Hợp đồng. Nếu sau đó Bên B nhận được các khoản tiền thanh toán từ Bên A và các trường hợp khác được khắc phục trước khi Bên B đưa ra thông báo đơn phương chấm dứt Hợp đồng thì Bên B sẽ tiếp tục làm việc bình thường ngay khi có thể.

a. In case Party A fails to fulfill the payment obligations under the Contract and/or any obligations under this Contract and/or the work site becomes unsafe or illegal, Party B, after notifying Party A, has the right to temporarily suspend or reduce the rate of performance of the Contract. If thereafter Party B receives the payments from Party A and the other cases are remedied before Party B issues a unilateral termination notice of the Contract, Party B shall resume normal work as soon as possible.

- b. Bên B được quyền chấm dứt Hợp đồng khi:

b. Party B is entitled to terminate the Contract when:

- i Bên A vi phạm nghĩa vụ Trả ứng, thanh toán nêu tại Hợp đồng này;

i. Party A breaches the advance payment or payment obligations as stipulated in this Contract;

- ii Bên A vi phạm bất cứ nghĩa vụ cơ bản nào nêu tại Hợp đồng này;

ii. Party A breaches any fundamental obligation stated in this Contract;

- iii Bên A chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự chấp nhận của Bên B;

iii. Party A assigns the Contract without the consent of Party B;

iv Bên A lâm vào tình trạng phá sản, bị tuyên bố phá sản, phải kinh doanh dưới sự giám sát hoặc bất kỳ trường hợp nào tương tự như vậy đe dọa nghiêm trọng đến khả năng thực hiện hợp đồng này.

iv. Party A becomes bankrupt, is declared bankrupt, is placed under receivership, or any similar situation that seriously threatens the ability to perform this contract.

Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trước ít nhất 03 (ba) ngày trước khi thực hiện. Riêng trường hợp tại điểm iii, iv phần B Điều này, Bên B được quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức. Việc Bên B chấm dứt hợp đồng theo các trường hợp trên sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên B theo hợp đồng.

If Party B unilaterally terminates the contract before its expiration, Party B must provide written notice to Party A at least 3 (three) days in advance of the termination. However, in the case of point iii and iv of this Section B, Party B has the right to terminate the contract immediately. The termination of the contract by Party B under these circumstances shall not affect Party B's other rights and benefits under the contract.

Sớm nhất có thể sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng và không muộn hơn 35 (ba mươi lăm) ngày sau khi thông báo, Bên A và Bên B sẽ thảo luận và xác định giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt hợp đồng và tiến hành hoàn tất thủ tục thanh toán trước khi thanh lý hợp đồng. Kết quả của việc hợp đồng bị chấm dứt là Bên A phải hoàn trả lại cho Bên B bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Bên B được quyền thu hồi và sở hữu hợp pháp tất cả hàng hóa nêu tại Hợp đồng này và yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại cho Bên B theo yêu cầu của Bên B.

As soon as possible after giving notice of contract termination and no later than 35 (thirty-five) days after the notice, Party A and Party B shall discuss and determine the value of the contract at the time of termination and proceed to complete the payment procedures before contract liquidation. As a result of the contract termination, Party A shall refund to Party B any advance payment bonds, performance bonds related to the contract. Party B shall have the right to recover and lawfully possess all goods specified in this Contract and may demand compensation from Party A for damages suffered by Party B as requested by Party B.

ĐIỀU 9. QUY ĐỊNH VỀ TRÚC LỢI

ARTICLE 9. PROVISION OF PROFITEERING

Trúc lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, vị trí công tác, lợi dụng thẩm quyền được giao, lợi dụng hoàn cảnh, cơ hội để đem lại lợi ích cho cá nhân/nhóm cá nhân trong quá trình chào giá, đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

"Exploitation" refers to the act of abusing one's position, job title, or delegated authority, taking advantage of circumstances or opportunities to benefit oneself or a group of individuals during the bidding, negotiation, signing, or implementation of this Contract.

Hai bên cam kết mỗi bên không chi/nhận hoa hồng; không chi/nhận chiết khấu, tiền chênh lệch giá; không bao che, hỗ trợ, thúc đẩy các hành vi trục lợi của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào; không thực hiện bất kỳ hành vi tương tự dưới bất kỳ hình thức nào trước, trong và sau quá trình thực hiện Hợp đồng.

Both parties commit not to give/receive commissions; not to give/receive discounts, price differentials; not to cover up, support, or encourage acts of exploitation by any individual or organization; and not to engage in any similar actions in any form before, during, and after the execution of the Contract.

Nếu Bên A phát hiện hành vi trục lợi như trên thì Bên A có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên B và phối hợp với Bên B để xử lý. Trường hợp không có thông báo từ Bên A mà Bên B phát hiện có các hành vi trên thì ngay lập tức, Bên B có quyền chấm dứt hợp tác, chấm dứt Hợp đồng đang có hiệu lực với Bên A mà không phải chịu bất kỳ chế tài nào; Bên A phải có nghĩa vụ bồi thường đối với những thiệt hại mà Bên B phải chịu từ việc chấm dứt hợp đồng trên. Ngoài ra, Bên A còn phải chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng này.

If Party A discovers acts of exploitation as described above, Party A is obligated to promptly notify Party B and collaborate with Party B to address the issue. If Party B discovers such acts without notification from Party A, Party B has the immediate right to terminate the collaboration and the effective Contract with Party A without any penalty; Party A must compensate Party B for any damages resulting from the termination of the Contract. Additionally, Party A shall incur a penalty of 8% of the total value of this Contract.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

ARTICLE 10. FORCE MAJEURE

10.1. “Sự kiện bất khả kháng” là những sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở:

10.1. "Force Majeure Event" means events that occur objectively, cannot be anticipated, and cannot be overcome despite applying necessary measures within reasonable capabilities. Force Majeure Events include, but are not limited to:

- a. Sự thay đổi của chính sách pháp luật, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

Changes in policies, laws, decisions of competent state authorities;

- b. Thiên tai bao gồm: Bão, động đất, lũ lụt hay bất cứ hình thức nào khác do thiên nhiên gây ra mà sức mạnh và sự tàn phá của nó không thể lường trước được hoặc chống lại được;

Natural disasters including: typhoons, earthquakes, floods, or any other form caused by nature whose strength and devastation cannot be predicted or countered against;

- c. Chiến tranh, khủng bố, chiến lược, xâm lược, hoạt động của kẻ thù bên ngoài, đe dọa hoặc chuẩn bị chiến tranh, bạo động, khởi nghĩa, xáo trộn công cộng, nội loạn, cách mạng, nội chiến, các trường hợp tương tự khác hoặc ngoài tầm kiểm soát của Bên bị ảnh hưởng và không thể lường trước được.

War, terrorism, strategic maneuvers, invasion, actions of external enemies, threat or preparation for war, riots, uprising, public disturbances, revolution, civil war, similar cases beyond the control of the affected party and cannot be predicted.

10.2. Các Bên được sẽ được giải phóng khỏi nghĩa vụ bất kỳ đối với Các Bên còn lại trong trường hợp việc thực hiện nghĩa vụ của họ bị chậm trễ hoặc không thể thực hiện

được vì sự kiện bất khả kháng được định nghĩa nêu trên dù đã tìm mọi cách khắc phục hậu quả.

The Parties shall be released from any obligations towards each other in case the performance of their obligations is delayed or rendered impossible due to the force majeure event defined above, despite efforts to mitigate the consequences.

10.3. Tiến trình giải quyết khi có Bên gặp sự kiện bất khả kháng/*Process of resolution when a Party encounters a force majeure event:*

Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay lập tức cho Bên còn lại về sự kiện cho rằng là bất khả kháng và mọi chi tiết có liên quan và phải cung cấp bằng chứng thích hợp về sự kiện xảy ra và khoảng thời gian dự liệu sự kiện đó diễn ra chậm nhất là 10 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra. Ngay khi thông báo này được gửi đến, nghĩa vụ của Bên đó được tạm đình chỉ.

If a Party encounters a force majeure event, it must immediately notify the other Party of the event claimed as force majeure, provide all relevant details, and furnish appropriate evidence of the event and the estimated duration of its occurrence no later than 10 days after the force majeure event. Upon sending this notice, the obligations of that Party shall be temporarily suspended.

Hồ sơ yêu cầu hỗ trợ sẽ được gửi kèm theo Thông báo. Nếu một trong Hai Bên không thông báo theo quy định trên thì các yêu cầu bồi thường trên sự kiện bất khả kháng sẽ không còn giá trị.

Support request documents shall be submitted with the Notice. If either Party fails to notify according to the above provisions, compensation claims regarding the force majeure event shall be deemed invalid.

Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải áp dụng mọi biện pháp hợp lý để chấm dứt sự kiện bất khả kháng và/hoặc khắc phục các hậu quả. Trong trường hợp một Bên gặp sự kiện bất khả kháng thì Hai bên phải lập tức bàn bạc để tìm ra giải pháp hợp lý và phải áp dụng mọi biện pháp hợp lý để hạn chế tối đa hậu quả gây ra do sự kiện bất khả kháng đó.

The Party encountering a force majeure event must take all reasonable measures to terminate the force majeure event and/or mitigate its consequences. In the event that a Party encounters a force majeure event, both Parties must immediately consult to find a reasonable solution and must apply all reasonable measures to minimize the consequences caused by that force majeure event.

Nếu vì sự kiện bất khả kháng mà một Bên không thể hoàn thành nghĩa vụ bất kỳ của mình theo Hợp đồng này thì Bên đó không bị coi là có lỗi, nhưng phải tiếp tục hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng không bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng.

If due to a force majeure event one Party is unable to fulfill any of its obligations under this Contract, that Party shall not be considered in default, but must continue to fulfill its obligations under the Contract unaffected by the force majeure event.

10.4. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hợp đồng này, mà không cần thông báo hoặc bồi thường, nếu việc thực hiện nghĩa vụ của Bên đó không thể thực hiện được do ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng trong thời hạn 06 tháng liên tục.

10.4. Each Party may terminate this Contract without notice or compensation if the performance of its obligations becomes impossible due to the impact of a force majeure event continuously for a period of 6 months.

ĐIỀU 11. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

ARTICLE 11. EFFECTIVENESS OF THE CONTRACT

11.1. Hợp đồng này có thể bị chấm dứt trước thời hạn theo một trong các trường hợp sau:

11.1. This Contract may be terminated prematurely in one of the following cases:

- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn bằng văn bản;

Both parties agree to terminate the Contract prematurely in writing;

- Trường hợp quy định Điều 11.3 của Hợp đồng này;

In the case specified in Article 11.3 of this Contract;

- Một trong Hai Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 8 Hợp đồng này;

One of the Parties unilaterally terminates the Contract according to the provisions of Article 8 of this Contract;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Other cases as stipulated by law.

11.2. Sau thời gian quy định trên tại Điều 12.1, nếu Hai Bên có nhu cầu hợp tác kinh doanh tiếp thì Hai Bên sẽ bàn bạc, thống nhất việc gia hạn Hợp đồng bằng Phụ lục Hợp đồng.

11.2. After the period specified in Article 11.1, if both Parties wish to continue their business cooperation, they shall negotiate and agree on the extension of the Contract through an Addendum to the Contract.

11.3. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày hai bên ký kết.

11.3. The Contract shall take effect from the date both parties sign.

ĐIỀU 12. BỒI THƯỜNG

ARTICLE 12. COMPENSATION

Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu Bên nào vi phạm gây thiệt hại cho Bên kia thì có trách nhiệm bồi thường thiệt hại căn cứ vào mức thiệt hại xảy ra trên thực tế và các Bên phải có nghĩa vụ chứng minh khi được yêu cầu..

If either Party violates this contract during its execution and causes damages to the other Party, they shall be liable to compensate for the actual damages incurred, and both Parties must provide evidence upon request.

ĐIỀU 13. HỢP ĐỒNG PHỤ

ARTICLE 13. SUPPLEMENTARY AGREEMENT

Hợp đồng phụ được phép tối đa [30%] tổng số tiền hợp đồng. Hồ sơ mời thầu phải nêu rõ nếu hợp đồng phụ và các điều kiện theo đó được thực hiện. Khi nộp hồ sơ dự thầu, nhà thầu phải khai báo vật tư/dịch vụ/công trình mà họ dự định ký hợp đồng phụ.

A supplementary agreement may be up to [30%] of the total contract amount. The bidding documents must specify if a supplementary agreement and the conditions therein will be implemented. When submitting a bid, the contractor must declare the materials/services/works for which they intend to enter into a supplementary agreement.

ĐIỀU 14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**ARTICLE 14. AMENDMENT OF LAW AND DISPUTE RESOLUTION**

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tố tụng trọng tài của Trung tâm này.

Any dispute arising out of or in connection with this Contract shall be resolved by arbitration at the Middle Commercial Arbitration Center (MCAC) in accordance with its Arbitration Rules.

ĐIỀU 15. CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG**ARTICLE 15. TRANSFER OF CONTRACT**

Nhà cung cấp (Bên B) không được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư (Bên A).

The Supplier (Party B) shall not transfer any or all of its obligations under the Contract to a third party without the prior written consent of the Investor (Party A).

ĐIỀU 16. THÔNG BÁO**ARTICLE 16. NOTIFICATION**

Mọi thông tin, tài liệu, chứng từ, dữ liệu và thông báo sẽ được gửi đến cho các Bên theo các địa chỉ liên lạc đã được nêu ở trên.

All information, documents, certificates, data, and notices shall be sent to the Parties at the contact addresses provided above.

ĐIỀU 17. NHỮNG CAM KẾT CHUNG VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**ARTICLE 17. GENERAL COMMITMENTS AND ENFORCEMENT PROVISIONS**

17.1. Các điều khoản trong Hợp đồng này đều riêng biệt và tách rời khỏi các điều khoản khác. Trường hợp ở bất cứ thời điểm nào, một điều khoản bị xem là vô hiệu, không hợp pháp hoặc không thể thực thi theo luật pháp hiện hành của Việt Nam, tính hiệu lực, hợp pháp và khả thi của những điều khoản còn lại trong hợp đồng này vẫn không bị ảnh hưởng. Các Bên đồng ý sẽ lập tức thảo luận với tinh thần thiện chí nhằm thiết lập một điều khoản thay thế để bảo vệ quyền lợi của các bên trong phạm vi pháp luật cho phép.

17.1. Each provision of this Contract is separate and severable from the others. In the event that any provision is deemed invalid, unlawful, or unenforceable under current

Vietnamese law, the validity, legality, and enforceability of the remaining provisions of this Contract shall not be affected. The Parties agree to promptly and in good faith discuss to establish a substitute provision to protect the rights of the parties within the limits permitted by law.

Hợp đồng này sẽ thay thế cho tất cả các thỏa thuận trước đây, dù bằng lời nói hay văn bản, cũng như mọi sự trình bày khác, và sẽ tạo nên sự thỏa thuận toàn diện và duy nhất giữa các bên. Hợp đồng này có thể sửa đổi bởi một văn bản do đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên cùng ký.

This Contract shall supersede all prior agreements, whether oral or written, as well as any other presentations, and shall constitute the entire and exclusive agreement between the parties. This Contract may be amended by a written document signed by authorized representatives of each Party.

17.2. Việc Các Bên ký kết và thực hiện Hợp đồng này là tuân thủ pháp luật và Hợp đồng này tạo nên các nghĩa vụ hợp pháp và có hiệu lực ràng buộc Các Bên. Các Bên được thành lập và tồn tại một cách hợp pháp theo pháp luật của nơi thành lập và có đầy đủ năng lực pháp lý để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này Các Bên ký kết Hợp đồng này mà không cần có sự đồng ý của bên thứ ba bất kỳ.

17.2. The execution and performance of this Contract by the Parties shall comply with the law, and this Contract creates legally binding obligations. The Parties are duly established and validly existing under the laws of their respective places of establishment and have full legal capacity to execute and perform their obligations under this Contract. The Parties enter into this Contract without the need for any third-party consent.

17.3. Việc bỏ sót, từ bỏ không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một Bên bất kỳ sẽ không được hiểu là sự từ bỏ hoặc hạn chế của Bên đó trong việc yêu cầu Bên còn lại nghiêm túc thực hiện Hợp đồng hoặc đối với các quyền và nghĩa vụ này mà Bên đó được hưởng các lợi ích theo Hợp đồng này.

17.3. The omission, waiver, or failure of any Party to exercise any right or remedy under this Contract shall not be construed as a waiver or limitation of that Party's right to demand strict performance by the other Party or with respect to these rights and obligations from which that Party benefits under this Contract.

17.4. Hợp đồng này gồm..... Điều được lập thành.....bản, mỗi bản..... trang, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.

17.4. This Contract consists of with each copy being equally legally valid. Each party shall retain 2 copies.

17.5. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng tự động thanh lý trong vòng 20 ngày sau khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ của mình quy định trong hợp đồng này, bao gồm cả nghĩa vụ bảo hành.

17.5. This Contract shall take effect from the date of signing. The Contract shall automatically terminate within 20 days after both parties have fulfilled their obligations stipulated in this Contract, including warranty obligations.

CÁC THỎA THUẬN KHÁC (Nếu có).....

OTHER AGREEMENT (If any)

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENT OF PARTY A

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENT OF PARTY B